

Phụ lục 11B: BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ

Thực trạng áp dụng cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2020 - 2025 và định hướng giai đoạn 2026 - 2030

1. Đánh giá thực trạng áp dụng cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2020-2025

Giai đoạn 2020–2025, cơ giới hóa nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đã có những bước chuyển biến tích cực và khá mạnh mẽ, từng bước trở thành một trong những giải pháp quan trọng thúc đẩy tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững. Trên cơ sở các cơ chế, chính sách hỗ trợ của tỉnh và các địa phương, cùng với sự tham gia ngày càng tích cực của doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân, số lượng và chủng loại máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp không ngừng gia tăng, từng bước đáp ứng yêu cầu sản xuất hàng hóa quy mô lớn.

Nếu như trước đây việc sử dụng máy móc trong nông nghiệp chủ yếu tập trung ở một số khâu như làm đất và thu hoạch thì hiện nay cơ giới hóa đã được mở rộng và áp dụng tương đối đồng bộ ở nhiều công đoạn của quá trình sản xuất. Các loại máy móc, thiết bị ngày càng đa dạng, bao gồm máy làm đất, máy cấy, máy phun thuốc bảo vệ thực vật (kể cả thiết bị bay không người lái), máy thu hoạch, máy bó rơm, máy sấy và bảo quản nông sản, qua đó góp phần giảm chi phí sản xuất, tiết kiệm sức lao động, rút ngắn thời gian canh tác và nâng cao chất lượng sản phẩm.

Sự xuất hiện và phổ biến ngày càng nhiều các thiết bị, máy móc nông nghiệp tiên tiến, hiện đại đã tạo điều kiện cho người nông dân Hà Tĩnh chuyển đổi phương thức sản xuất từ thủ công sang cơ giới hóa, từng bước khắc phục tình trạng thiếu hụt lao động nông thôn, nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh tế. Đồng thời, cơ giới hóa cũng góp phần nâng cao sức cạnh tranh của nông sản, tạo tiền đề cho việc phát triển các vùng sản xuất tập trung, liên kết chuỗi giá trị và ứng dụng khoa học – công nghệ trong nông nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp bền vững trong giai đoạn mới.

- Trong lĩnh vực trồng trọt: Trong giai đoạn 2020–2025, mức độ cơ giới hóa trong sản xuất trồng trọt đã có bước chuyển biến rõ rệt. Năm 2020, tỷ lệ cơ giới hóa khâu làm đất đối với cây lúa đạt 85,5%, các cây trồng khác đạt 60,5%, trong khi khâu thu hoạch lúa đạt 94,5%. Đến nay, cơ giới hóa được áp dụng ngày càng rộng rãi, với tỷ lệ làm đất ở cây lúa tăng lên 98,8%, cây trồng khác đạt 91,5%; riêng khâu thu hoạch vẫn chủ yếu tập trung ở cây lúa, đạt 98,7%. Đồng thời, việc ứng dụng máy móc, thiết bị trong trồng trọt ngày càng phổ biến, góp phần khắc phục tình trạng thiếu lao động nông nghiệp, giảm chi phí nhân công và nâng cao hiệu quả sản xuất. Một số tiên bộ khoa học – kỹ thuật đã được ứng dụng và từng bước nhân rộng như mô hình máy cấy, mạ khay, thiết bị bay không người lái phun thuốc bảo vệ thực vật, máy sấy nông sản, bước đầu phát

huy hiệu quả tại một số địa phương, giúp giảm chi phí nhân công, tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế trong sản xuất nông nghiệp.

- Trong lĩnh vực chăn nuôi: Việc ứng dụng máy móc, thiết bị và công nghệ được triển khai tương đối đồng bộ ở nhiều khâu của quá trình sản xuất. Cụ thể, nhiều cơ sở, trang trại đã đầu tư hệ thống dây chuyền, máy móc sản xuất thức ăn chăn nuôi công nghiệp, máy cắt cỏ, máy trộn thức ăn, máy ép cám viên, cùng với máy và thiết bị cho ăn, cấp nước tự động, góp phần giảm chi phí nhân công và nâng cao hiệu quả chăn nuôi. Bên cạnh đó, các thiết bị thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi, hệ thống chuồng trại bán tự động, công nghệ phòng chống dịch bệnh, cũng như hệ thống giết mổ, sơ chế, chế biến sản phẩm chăn nuôi từng bước được đầu tư, góp phần nâng cao năng suất, đảm bảo an toàn sinh học, giảm ô nhiễm môi trường và đáp ứng yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản: Máy móc, thiết bị được áp dụng trong các khâu sản xuất, chế biến thức ăn, sục khí ao đầm nuôi công nghiệp, cung cấp nước và vệ sinh ao đầm, chế biến sản phẩm (đặc biệt là nuôi tôm thâm canh), ứng dụng công nghệ xử lý môi trường nước, phòng trừ dịch bệnh; từng bước tiếp cận các mô hình nuôi an toàn sinh học, nuôi tôm 2 - 3 giai đoạn, nuôi tôm ứng dụng công nghệ vi sinh, hạn chế hóa chất kháng sinh... qua đó nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm rủi ro dịch bệnh và hướng tới phát triển nuôi trồng thủy sản bền vững.

Tuy nhiên, cơ giới hóa trong nông nghiệp vẫn chưa phát triển tương xứng với tiềm năng, nhu cầu của ngành nông nghiệp, sự phát triển còn thiếu bền vững, cơ giới hóa chủ yếu được thực hiện ở những khâu công việc nặng nhọc, tốn nhiều lao động thủ công hay thời vụ và dễ dàng thực hiện như: khâu vận chuyển, chế biến thức ăn gia súc,... Các mô hình sản xuất áp dụng cơ giới hóa tổng hợp sử dụng liên tiếp các hệ thống máy ở tất cả các giai đoạn của quá trình sản xuất trồng trọt hay chăn nuôi trong suốt chuỗi sản xuất chưa có nhiều. Nguyên nhân do chi phí đầu tư cao, các chủng loại máy móc chưa phù hợp với yêu cầu, quy mô của hộ và trang trại.

2. Những tồn tại, hạn chế

- Cơ giới hoá sản xuất nông nghiệp còn thấp và chưa toàn diện, mới tập trung cho lúa, chủ yếu ở khâu làm đất, chăm sóc, thu hoạch lúa; khâu gieo cấy bằng máy còn thấp. Cơ giới hóa trong sản xuất, thu hoạch cây ăn quả và trong nuôi trồng thủy sản còn hạn chế.

- Trình độ trang bị máy nông nghiệp còn lạc hậu, thể hiện ở hầu hết các máy làm đất công suất nhỏ, công nghệ cũ, chỉ thích hợp với quy mô nhỏ.

- Thiếu hệ thống kiểm định và đánh giá về công nghệ máy móc, thiết bị phục vụ cơ giới hóa đồng bộ nông nghiệp. Hệ thống quản lý, kiểm soát chất lượng máy nông nghiệp chưa được quan tâm.

- Thiếu nguồn lực được đào tạo có kỹ năng và có trình độ chuyên môn giỏi; Hệ thống mạng lưới các cơ sở bảo hành, dịch vụ, sửa chữa, cung ứng phụ tùng thay thế máy nông nghiệp ở các địa phương chưa đồng bộ.

3. Nguyên nhân và bài học kinh nghiệm

a. Nguyên nhân kết quả đạt được

Thứ nhất, sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của Trung ương và của tỉnh là nguyên nhân quan trọng hàng đầu. Trong những năm qua, tỉnh đã ban hành và triển khai nhiều chủ trương, chính sách, chương trình hỗ trợ phát triển nông nghiệp, trong đó có các chính sách khuyến khích cơ giới hóa, ứng dụng khoa học – công nghệ, tạo cơ sở pháp lý và động lực thúc đẩy người dân, hợp tác xã và doanh nghiệp đầu tư máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất. Thực hiện Quyết định số 858/QĐ-TTg ngày 20/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông lâm thủy sản đến năm 2030, UBND tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 14/6/2023 về phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2030 đề đẩy mạnh áp dụng các loại máy móc, thiết bị, công nghệ cao nhằm nâng cao mức độ cơ giới hóa các khâu trong sản xuất nông nghiệp.

Thứ hai, quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với dồn điền đổi thửa, hình thành vùng sản xuất tập trung đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng cơ giới hóa. Việc giảm tình trạng manh mún ruộng đất, mở rộng quy mô sản xuất giúp máy móc, thiết bị phát huy hiệu quả, tăng năng suất lao động và giảm chi phí sản xuất.

Thứ ba, nhu cầu thực tiễn của sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là tình trạng thiếu hụt lao động nông thôn, già hóa dân số và chi phí nhân công ngày càng tăng, đã thúc đẩy người dân chủ động chuyển đổi phương thức sản xuất từ thủ công sang cơ giới hóa nhằm đảm bảo tiến độ mùa vụ và nâng cao hiệu quả kinh tế.

Thứ tư, sự phát triển của các mô hình kinh tế trang trại, hợp tác xã và doanh nghiệp nông nghiệp đã đóng vai trò nòng cốt trong việc đầu tư, ứng dụng và lan tỏa cơ giới hóa. Các chủ thể này có tiềm lực về vốn, quản lý và khả năng tiếp cận công nghệ, từ đó hình thành các mô hình sản xuất ứng dụng máy móc đồng bộ, làm cơ sở để nhân rộng ra cộng đồng nông dân.

Thứ năm, tiến bộ khoa học – công nghệ và thị trường máy nông nghiệp ngày càng đa dạng giúp người dân dễ dàng tiếp cận các loại máy móc phù hợp với điều kiện sản xuất của địa phương. Việc xuất hiện các loại máy nhỏ gọn, đa chức năng, thiết bị bay không người lái, công nghệ tự động hóa và số hóa đã góp phần nâng cao hiệu quả cơ giới hóa trong nhiều lĩnh vực sản xuất nông nghiệp.

Thứ sáu, công tác tuyên truyền, tập huấn, chuyên giao khoa học – kỹ thuật được chú trọng, giúp nâng cao nhận thức và trình độ của người dân trong việc vận hành, bảo dưỡng máy móc, thiết bị, từ đó nâng cao hiệu quả sử dụng và giảm rủi ro trong quá trình áp dụng cơ giới hóa.

b. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế (khách quan, chủ quan)

- Nguyên nhân khách quan

+ Đặc điểm sản xuất nông nghiệp còn mang tính nhỏ lẻ, manh mún, phân tán đã và đang là rào cản lớn đối với việc áp dụng cơ giới hóa đồng bộ. Quy mô

ruộng đất của phần lớn hộ sản xuất còn nhỏ, thiếu liên kết giữa các hộ, các vùng sản xuất chưa hình thành được diện tích đủ lớn để khai thác hiệu quả máy móc, thiết bị nông nghiệp, đặc biệt là các loại máy có công suất lớn và yêu cầu sản xuất liên hoàn.

+ Kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu cơ giới hóa, hiện đại hóa. Hệ thống giao thông nội đồng, giao thông liên vùng, liên xã tại nhiều địa phương còn hạn chế về quy mô và chất lượng; đồng ruộng phân tán, bờ thửa nhỏ hẹp, mặt ruộng chưa được cải tạo đồng bộ, gây khó khăn cho việc đưa máy móc vào sản xuất, làm giảm hiệu quả đầu tư và sử dụng thiết bị cơ giới.

+ Cơ chế, chính sách về cơ giới hóa nông nghiệp tuy đã được ban hành tương đối đầy đủ nhưng hiệu lực thực thi còn thấp, thiếu tính nhất quán và ổn định lâu dài, đặc biệt là các chính sách liên quan đến hỗ trợ tài chính. Nguồn lực ngân sách còn hạn chế dẫn đến việc bố trí kinh phí triển khai chính sách chưa đáp ứng yêu cầu thực tế. Một số chính sách quan trọng chưa phát huy được tác động tích cực, như chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp hỗ trợ theo Nghị định số 111/2015/NĐ-CP chưa có cơ chế, chế tài đủ mạnh để bắt buộc thực hiện, nên chưa thu hút được các nguồn lực xã hội đầu tư vào lĩnh vực chế tạo máy, thiết bị nông nghiệp. Bên cạnh đó, chính sách hỗ trợ nông dân mua máy móc, thiết bị nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg đã hết hiệu lực, trong khi chưa có chính sách thay thế hoặc gia hạn kịp thời, gây khó khăn cho địa phương trong quá trình triển khai và làm gián đoạn việc tiếp cận hỗ trợ của người dân.

+ Khả năng tiếp cận các nguồn vốn tín dụng phục vụ cơ giới hóa của người dân và các cơ sở sản xuất còn nhiều hạn chế. Phần lớn hộ nông dân không có tài sản thế chấp hoặc phương án sản xuất – kinh doanh đủ sức thuyết phục để vay vốn, trong khi các cơ chế hỗ trợ tín dụng đầu tư phát triển đối với các cơ sở chế tạo máy, thiết bị nông nghiệp chưa đủ hấp dẫn, chưa tạo động lực thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực này.

- Nguyên nhân chủ quan

+ Năng lực tổ chức sản xuất và liên kết trong nông nghiệp còn hạn chế. Nhiều hộ sản xuất vẫn mang tính tự phát, thiếu liên kết theo chuỗi giá trị; vai trò dẫn dắt của hợp tác xã, doanh nghiệp nông nghiệp ở một số địa phương chưa rõ nét, dẫn đến việc đầu tư máy móc, thiết bị còn phân tán, thiếu đồng bộ và hiệu quả thấp.

+ Chất lượng nguồn nhân lực nông thôn chưa đáp ứng yêu cầu cơ giới hóa. Lao động vận hành máy nông nghiệp phần lớn chưa được đào tạo bài bản về kỹ năng vận hành, bảo dưỡng và an toàn lao động, dẫn đến nguy cơ mất an toàn trong quá trình sử dụng, hiệu suất khai thác máy móc chưa cao, làm giảm hiệu quả đầu tư và hạn chế khả năng ứng dụng các thiết bị, công nghệ hiện đại.

+ Nhận thức và khả năng tiếp cận khoa học – công nghệ của một bộ phận người dân còn hạn chế, chưa mạnh dạn đổi mới phương thức sản xuất, chưa chủ

động xây dựng phương án đầu tư, khai thác máy móc theo hướng dịch vụ hoặc liên kết dùng chung, dẫn đến tình trạng đầu tư nhỏ lẻ, chưa phát huy hết công suất thiết bị cơ giới.

c. Bài học kinh nghiệm

- Cơ giới hóa nông nghiệp chỉ phát huy hiệu quả khi gắn chặt với công tác dồn điền đổi thửa, tích tụ ruộng đất, tổ chức lại sản xuất theo hướng tập trung, liên kết và quy mô phù hợp. Thực tiễn cho thấy, những vùng sản xuất hàng hóa tập trung, có liên kết theo chuỗi giá trị giữa nông dân – hợp tác xã – doanh nghiệp sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc đầu tư, khai thác và sử dụng hiệu quả máy móc, thiết bị nông nghiệp, khắc phục tình trạng sản xuất nhỏ lẻ, manh mún.

- Phát triển cơ giới hóa cần đi đôi với đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp. Hệ thống giao thông nội đồng, thủy lợi, mặt bằng sản xuất, kho bãi, cơ sở bảo quản – chế biến có vai trò quyết định đến khả năng đưa máy móc vào sản xuất. Việc thiếu đồng bộ hạ tầng sẽ làm giảm hiệu quả đầu tư cơ giới hóa, thậm chí gây lãng phí nguồn lực.

- Cơ chế, chính sách hỗ trợ cần bảo đảm tính ổn định, nhất quán và khả thi trong thực hiện. Các chính sách về hỗ trợ tín dụng, khuyến khích đầu tư máy móc, thiết bị và phát triển công nghiệp, hỗ trợ nông nghiệp cần được rà soát, điều chỉnh kịp thời, phù hợp với thực tiễn và khả năng tiếp cận của người dân, doanh nghiệp; đồng thời phải gắn với nguồn lực thực hiện cụ thể để tránh hình thức.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn là yếu tố then chốt để cơ giới hóa phát triển bền vững. Cần chú trọng đào tạo, tập huấn kỹ năng vận hành, bảo dưỡng máy móc nông nghiệp cho lao động nông thôn; từng bước hình thành đội ngũ lao động kỹ thuật, dịch vụ cơ giới hóa tại chỗ nhằm giảm rủi ro, nâng cao năng suất và hiệu quả sử dụng máy móc.

- Cơ giới hóa cần được lồng ghép với ứng dụng khoa học – công nghệ, chuyển đổi số và định hướng sản xuất xanh, tuần hoàn. Việc kết hợp máy móc hiện đại với tiến bộ kỹ thuật, công nghệ sinh học, công nghệ thông tin và các mô hình sản xuất an toàn, thân thiện môi trường sẽ góp phần nâng cao giá trị gia tăng, giảm chi phí, giảm phát thải và đáp ứng yêu cầu của thị trường.

4. Quan điểm, mục tiêu, định hướng áp dụng cơ giới hóa giai đoạn 2026 -2030

4.1 Dự báo, bối cảnh và các yếu tố tác động (cơ hội, thách thức)

a) Cơ hội

- Nhiều loại máy móc, thiết bị công nghệ mới được sáng chế trong thời gian qua đang dần thay thế hoàn toàn lao động chân tay đối với nhiều loại cây trồng.

- Xu hướng chuyển dịch nhanh lao động nông nghiệp trong những năm qua, khi lao động trẻ ở nông thôn trực tiếp làm nông nghiệp giảm mạnh, đây là

động lực thúc đẩy quá trình cơ giới hóa, đặc biệt là cơ giới hóa đồng bộ trong tất cả các khâu sản xuất để giảm tối đa lao động chân tay.

b) Thách thức

Công nghệ thay đổi nhanh chóng, trong khi đó quy mô sản xuất nông nghiệp của Hà Tĩnh vẫn còn nhỏ và phân tán. Chi phí đầu tư các loại máy móc, thiết bị trong nông nghiệp ngày càng cao do được tích hợp với nhiều công nghệ mới, tự động hóa. Chính vì thế, nguồn lực đầu tư cho cơ giới hóa đồng bộ sẽ là thách thức rất lớn trong giai đoạn tới, đặc biệt đối với các hộ sản xuất quy mô nhỏ và vừa.

4.2 Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

Thúc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với phân công lại lao động ở nông thôn, ưu tiên phát triển cơ giới hóa vào đối tượng cây trồng có khối lượng hàng hóa tương đối lớn, giá trị kinh tế cao, thị trường ổn định; Phát triển trang bị kỹ thuật và công nghệ để nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên, duy trì nền nông nghiệp bền vững và bảo vệ môi trường sinh thái; chú trọng phát triển cơ giới hóa các khâu nặng nhọc, thời vụ khẩn trương; tăng nhanh thiết bị kỹ thuật trong nông nghiệp và nông thôn bảo đảm các khâu sản xuất chủ yếu về nông nghiệp đều cơ bản được cơ giới hóa.

b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

*** Về trồng trọt**

- Khâu làm đất: Đạt 99% diện tích canh tác được áp dụng cơ giới hoá.
- Khâu gieo trồng (chủ yếu là lúa): Đạt 10% tổng diện tích đất trồng lúa
- Khâu thu hoạch:
- + Thu hoạch lúa: Đạt 100%
- + Thu hoạch cây trồng khác: Đạt từ 5 – 10% bằng các loại máy móc, thiết bị phù hợp.

* Về chăn nuôi, thủy sản: Sử dụng các loại máy móc, thiết bị phù hợp

4.3 Định hướng phát triển

a) Về trồng trọt

- **Về cơ giới hóa làm đất và cải tạo đồng ruộng:** Sử dụng máy móc hiện đại, phù hợp ,đảm bảo đầy đủ các loại máy đào xúc, san ủi, cày bừa, san phẳng ruộng, phay đất để liên hợp với các loại máy kéo, phục vụ cải tạo đồng ruộng, cày bừa làm đất thâm canh lúa, ngô, mía, các loại cây rau màu và một số cây công nghiệp khác.

Sử dụng các loại máy làm đất có tính bảo vệ đất, giảm phá nền, các loại máy băm lá, băm thân cây và rom rạ rải ruộng để trả lại độ phì cho đất.

- **Về cơ giới hóa gieo cấy:** Vì mỗi loại cây trồng có yêu cầu kỹ thuật và phương thức gieo trồng khác nhau, cho nên đây là một khâu khá phức tạp, kiểu cỡ và chủng loại máy đa dạng.

Đối với cây lúa: Áp dụng rộng rãi máy cấy, máy gieo cụm vào sản xuất, tập trung chủ yếu ở vùng sản xuất giống lúa, vùng lúa hàng hóa tập trung.

Nghiên cứu để ứng dụng rộng rãi máy trồng mía, máy gieo các loại hạt như ngô, lạc, đậu..v.v.; ứng dụng các loại máy làm đất để phục vụ cơ giới hóa trồng các loại cây công nghiệp như cao su, chè...

- **Cơ giới hóa chăm sóc bảo vệ thực vật:** Tăng cường việc cơ giới hóa phòng trừ sâu bệnh bằng máy móc, thiết bị phù hợp như máy bay phun thuốc... Nâng cao tỷ lệ cơ giới hóa các khâu chăm sóc, diệt cỏ giữa hàng cây cho các loại cây trồng như ngô, đậu...

- **Cơ giới hóa thu hoạch:**

Đối với cây lúa: Sử dụng hiệu quả số lượng máy gặt các loại, khuyến khích mở rộng ứng dụng máy gặt đập liên hợp, nhất là những loại máy có tính năng cao, chất lượng làm việc ổn định.

Đối với cây trồng khác: Nghiên cứu, sử dụng các loại máy móc, thiết bị phù hợp để tăng nhanh tỷ lệ được thu hoạch bằng máy.

b) Về chăn nuôi, thủy sản

Nghiên cứu, sử dụng các loại máy móc, thiết bị phù hợp để thúc đẩy phát triển chăn nuôi, thủy sản.

5. Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm

5.1. Tuyên truyền, phổ biến giới thiệu các máy móc, thiết bị cơ giới hóa

- Tổ chức hội thảo, tuyên truyền và giới thiệu máy móc, thiết bị sản xuất và dây chuyền chế biến; đồng thời đẩy mạnh phổ biến các chính sách hỗ trợ cơ giới hóa để doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại và hộ dân chủ động tiếp cận, lựa chọn và đầu tư phù hợp.

- Tăng cường tư vấn, hướng dẫn lựa chọn thiết bị; phối hợp tổ chức các lớp tập huấn chuyên sâu và diện rộng nhằm nâng cao nhận thức về vai trò cơ giới hóa, đồng thời trang bị kỹ năng quản lý, vận hành và bảo dưỡng máy móc cho cán bộ kỹ thuật và người sản xuất.

5.2. Phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; tổ chức sản xuất nông nghiệp

- Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng nông nghiệp, nông thôn phục vụ sản xuất và phát triển cơ giới hóa, bảo đảm đáp ứng yêu cầu sản xuất quy mô lớn; đồng thời đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế – xã hội khu vực nông thôn gắn với quá trình đô thị hóa, tăng cường liên kết vùng và từng bước bắt kịp tốc độ phát triển chung.

- Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất theo hướng nâng cao năng lực, vai trò của các tổ chức hợp tác của nông dân; đẩy mạnh tập trung, tích tụ đất đai, mở rộng quy mô thông qua dồn điền đổi thửa, xây dựng cánh đồng mẫu lớn và phát triển sản xuất hàng hóa tập trung gắn với áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp tốt, bảo đảm an toàn thực phẩm. Khuyến khích hình thành và củng cố các hợp tác xã, tổ hợp tác và doanh nghiệp dịch vụ cơ khí nông nghiệp.

5.3. Ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ

- Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động nghiên cứu khoa học – công nghệ, tăng cường chuyển giao và đưa vào sản xuất các giống cây trồng có năng suất, chất lượng cao, khả năng bảo quản tốt, phù hợp với thu hoạch và chế biến bằng cơ giới, đáp ứng yêu cầu sản xuất hàng hóa quy mô lớn.

- Khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại và hộ gia đình đầu tư đổi mới máy móc, thiết bị theo hướng hiện đại hóa toàn bộ quy trình sản xuất từ làm đất đến chế biến, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, bảo đảm an toàn lao động, tăng hiệu quả kinh tế và giảm tác động môi trường.

- Ưu tiên ứng dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường; hiện đại hóa hệ thống bảo quản và chế biến để đa dạng hóa sản phẩm, giảm tổn thất sau thu hoạch, hạ giá thành sản xuất và đẩy mạnh chế biến sâu, qua đó nâng cao giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh của nông sản trên thị trường.

5.4. Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Tăng cường đào tạo nghề cơ khí và kỹ năng vận hành máy móc, thiết bị trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp cho nông dân thông qua các lớp tập huấn, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, bảo đảm người lao động sử dụng thành thạo và an toàn các thiết bị phục vụ sản xuất.

- Đẩy mạnh xã hội hóa công tác đào tạo nghề, khuyến khích doanh nghiệp chủ động bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề nhằm đáp ứng yêu cầu vận hành công nghệ tiên tiến, hiện đại trong sản xuất và chế biến.

- Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý trong lĩnh vực cơ điện nông nghiệp và chế biến nông sản, tập trung vào kiến thức khoa học – công nghệ, kỹ năng quản trị, thương mại và phát triển thị trường, đáp ứng yêu cầu hội nhập và cạnh tranh.

5.5. Hoàn thiện cơ chế, chính sách

- Tiếp tục phối hợp thực hiện các cơ chế chính sách liên quan đến hỗ trợ, đầu tư hỗ trợ phát triển cơ giới hóa trong nông nghiệp do Trung ương, tỉnh ban hành như: chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp nông thôn; khoa học công nghệ, tín dụng...

6. Khái toán nguồn kinh phí đầu tư giai đoạn 2026-2030

Tổng kinh phí thực hiện Đề án đến năm 2030 dự kiến khoảng 25 tỷ đồng, trong đó:

- Nguồn vốn ngân sách trung ương thuộc các Chương trình khuyến nông, khuyến công, khoa học công nghệ được phân bổ cho địa phương; nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia và nguồn ngân sách địa phương: 15 tỷ đồng (chiếm 60%).

- Các nguồn vốn hợp pháp khác: 10 tỷ đồng (chiếm 40%)

7. Tổ chức thực hiện

7.1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan và UBND các xã, phường tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Đề án; Xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ phát triển cơ giới hóa nông nghiệp hằng năm và trung hạn thuộc ngành, lĩnh vực quản lý.

- Tuyên truyền, hướng dẫn các cơ chế, chính sách có liên quan đến cơ giới hóa của Trung ương và của tỉnh để triển khai thực hiện có hiệu quả.

7.2. Sở Khoa học và Công nghệ

- Nghiên cứu, chuyển giao các giải pháp ứng dụng, các tiến bộ khoa học công nghệ mới về cơ giới hóa nông nghiệp. Ưu tiên thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu, chuyển giao kỹ thuật công nghệ ngành cơ khí nông nghiệp.

- Xây dựng, duy trì các chuyên trang, chuyên mục để tuyên truyền quảng bá trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh về phát triển cơ giới hóa trong nông nghiệp; hỗ trợ chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ tiên tiến vào phát triển cơ giới hóa nông nghiệp.

7.3. Sở Giáo dục và Đào tạo

Xây dựng kế hoạch, nội dung đào tạo nguồn nhân lực về cơ giới hóa nông nghiệp. Đề xuất các chính sách hỗ trợ nâng cao chất lượng nguồn lực lao động và năng lực quản lý về cơ giới hóa nông nghiệp.

7.4. Sở Tài chính

- Hàng năm, trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh phương án kinh phí thực hiện phù hợp với nhiệm vụ chi, điều kiện thực tiễn và khả năng cân đối ngân sách.

- Thực hiện công tác thu hút đầu tư; rà soát, cập nhật bổ sung danh mục các dự án khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, nhất là các dự án có đầu tư cơ giới hóa đồng bộ, chế biến nông sản, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp tại các vùng sản xuất trọng điểm.

7.5. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Xây dựng và triển khai các chương trình, dự án, đề án trọng điểm thực hiện phù hợp với tiềm năng, lợi thế của từng địa phương. Chủ động rà soát quy hoạch sản xuất nông nghiệp theo hướng tập trung, hình thành cánh đồng lớn

nhằm tạo điều kiện cho nông dân, doanh nghiệp, các tổ chức sản xuất (hợp tác xã, tổ hợp tác) áp dụng nhanh cơ giới hóa vào các khâu từ sản xuất - bảo quản - chế biến - vận chuyển và tiêu thụ sản phẩm.

- Phổ biến, tuyên truyền chính sách phát triển cơ giới hóa để các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện, các chương trình, đề án, dự án hoặc các hoạt động có liên quan.

- Huy động, bố trí kinh phí từ ngân sách địa phương, kết hợp lồng ghép nguồn vốn của các chương trình, dự án và nguồn vốn hợp pháp khác trên địa bàn để đẩy mạnh phát triển cơ giới hóa đồng bộ.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các Sở, ngành liên quan trong việc hướng dẫn, lựa chọn các loại máy móc, thiết bị phù hợp có công nghệ tiên tiến với việc xây dựng mô hình cánh đồng mẫu lớn, vùng sản xuất tập trung trên địa bàn./.

CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC PTNT VÀ QLCL

Trần Mạnh Cường